

PHỤ LỤC III

BẢO LƯU CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI CHƯƠNG 11 (DỊCH VỤ TÀI CHÍNH)

*Bản dịch này chuyển từ bản dịch của TPP, do CPTPP giữ nguyên nội dung Chương này của TPP (theo TTWTO-VCCI)

GIỚI THIỆU

1. Biểu cam kết của Việt Nam đối với Phụ lục này liệt kê:

- (a) phần giải thích giới hạn hoặc làm rõ các cam kết của một Bên về các nghĩa vụ được mô tả trong các khoản 1(b) và 1(c);
- (b) trong Mục A, theo Điều 11.10.1 (Các biện pháp không tương thích), các biện pháp Việt Nam đang áp dụng không phù hợp với một số hoặc tất cả các nghĩa vụ được quy định theo:
 - (i) Điều 11.3 (Đối xử quốc gia);
 - (ii) Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc);
 - (iii) Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính);
 - (iv) Điều 11.6 (Thương mại qua biên giới); hoặc
 - (v) Điều 11.9 (Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc); và
- (c) trong Mục B, theo Điều 11.10.1 (Các biện pháp không tương thích), các ngành, phân ngành hoặc hoạt động cụ thể mà Việt Nam có thể duy trì các biện pháp đang thực hiện hoặc áp dụng các biện pháp mới hoặc hạn chế hơn mà không tương thích với các nghĩa vụ được quy định theo:
 - (i) Điều 11.3 (Đối xử quốc gia);
 - (ii) Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc);
 - (iii) Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính);
 - (iv) Điều 11.6 (Thương mại qua biên giới); hoặc
 - (v) Điều 11.9 (Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc).

2. Mỗi bảo lưu của Biểu cam kết trong Mục A được mô tả trong khoản 1(b) bao gồm các nội dung sau:

- (a) **Ngành** được hiểu là ngành áp dụng đối với bảo lưu;
- (b) **Phân ngành**, nếu được nhắc đến, được hiểu là phân ngành cụ thể áp dụng đối với bảo lưu;
- (c) **Các nghĩa vụ liên quan** quy định (các) nghĩa vụ được nhắc đến trong khoản 1(b) không áp dụng đối với các ngành, phân ngành hoặc hoạt động được nêu trong bảo lưu, theo Điều 11.10.1(a) (Các biện pháp không tương thích);
- (d) **Cấp Chính phủ** chỉ ra cấp chính phủ duy trì (các) biện pháp được nêu;
- (e) **Biện pháp** chỉ ra luật, quy định hoặc các biện pháp khác áp dụng đối với bảo lưu. Một biện pháp được nêu trong phần **Biện pháp**:
 - (i) có nghĩa là biện pháp được sửa đổi, tiếp tục hoặc làm mới kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực; và
 - (ii) bao gồm bất kỳ biện pháp bổ trợ được duy trì hoặc áp dụng bởi cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với biện pháp đó; và
- (f) **Mô tả** liệt kê các nội dung không tương thích của biện pháp áp dụng đối với bảo lưu.

3. Mỗi bảo lưu trong Mục B bao gồm các nội dung sau:

- (a) **Ngành** được hiểu là ngành áp dụng đối với bảo lưu;
- (b) **Phân ngành**, nếu được nhắc đến, được hiểu là phân ngành cụ thể áp dụng đối với bảo lưu;
- (c) **Nghĩa vụ liên quan** quy định (các) nghĩa vụ được nhắc đến trong khoản 1(b) không áp dụng đối với các ngành, phân ngành hoặc hoạt động được nêu trong bảo lưu, theo Điều 11.10.1(a) (Các biện pháp không tương thích);
- (d) **Cấp Chính phủ** chỉ ra cấp chính phủ thực hiện (các) biện pháp được nêu;
- (e) **Mô tả** liệt kê phạm vi và/hoặc bản chất của các ngành, phân ngành hoặc hoạt động mà bảo lưu áp dụng; và

- (f) **Biện pháp** xác định, vì mục đích minh bạch, một danh sách không hạn chế các biện pháp đang thực hiện đối với các ngành, phân ngành hoặc hoạt động được nêu trong bảo lưu.

4. Đối với các bảo lưu trong Mục A, toàn bộ nội dung bảo lưu phải được xem xét tổng thể để diễn giải. Nếu không có sự nhất quán trong diễn giải bảo lưu, phần **Mô tả** của bảo lưu sẽ được ưu tiên áp dụng.

5. Đối với các bảo lưu trong Mục B, trường hợp phát sinh sự không nhất quán khi diễn giải bảo lưu, phần **Mô tả** của bảo lưu sẽ được ưu tiên áp dụng.

6. Các Bên công nhận các biện pháp thuộc phần ngoại lệ áp dụng với chương này, ví dụ các biện pháp trong Điều 11.11 (Ngoại lệ) không cần đưa vào Biểu cam kết. Tuy nhiên, một số Bên đã liệt kê các biện pháp có thể thuộc ngoại lệ. Để làm rõ hơn, việc một Bên liệt kê biện pháp trong Biểu cam kết của Phụ lục III không ảnh hưởng đến việc xác định biện pháp được Bên đó hoặc bất kỳ Bên khác duy trì hoặc áp dụng vì lý do an toàn thận trọng có thể được xem là ngoại lệ theo Điều 11.11 (Ngoại lệ). Ngoài ra, bất kể một Bên liệt kê một biện pháp trong Phụ lục III của mình:

- (a) Bên đó có thể duy trì biện pháp đó hoặc áp dụng hoặc duy trì biện pháp tương tự; hoặc
- (b) bất kỳ một Bên khác có thể áp dụng hoặc duy trì biện pháp đó hoặc một biện pháp tương tự,

mà được xem là ngoại lệ theo Điều 11.11 (Ngoại lệ).

GIẢI THÍCH

1. Các cam kết trong các phân ngành này theo Hiệp định được thực hiện theo các hạn chế và điều kiện quy định trong phần Giải thích này và Biểu cam kết dưới đây.
2. Để làm rõ cam kết của Việt Nam đối với Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính), các pháp nhân cung cấp dịch vụ tài chính và được thành lập theo luật, quy định và hướng dẫn của Việt Nam phải chịu các hạn chế không mang tính phân biệt đối xử về tư cách pháp nhân¹.
3. Điều 11.10(1)(c) (Các biện pháp không tương thích) không áp dụng đối với các biện pháp không tương thích liên quan đến đoạn (b) của Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính).
4. Để làm rõ hơn, các hạn chế về việc góp vốn nước ngoài liên quan đến giới hạn tỷ lệ phần trăm tối đa của cổ phần nước ngoài hoặc tổng giá trị của vốn đầu tư nước ngoài của cá nhân hoặc toàn bộ không được xem là hạn chế đối với Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính).

¹Ví dụ, liên danh và doanh nghiệp tư nhân không được chấp nhận có đủ tư cách pháp nhân để là tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Giải thích này không ảnh hưởng tới, hay nói cách khác, không hạn chế tổ chức tín dụng của Bên khác lựa chọn hình thức chi nhánh hoặc 100% vốn nước ngoài.

PHỤ LỤC III

MỤC A

A-1

Ngành:	Dịch vụ Tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (ngoại trừ chứng khoán và bảo hiểm)
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử quốc gia (Điều 11.3) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính(Điều 11.5)
Biện pháp:	Luật số 47/2010/QH12 về các Tổ chức tín dụng 2010; Nghị định số 39/2014/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; Thông tư 40/2011/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cấp phép, tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.
Mô tả:	Các tổ chức tín dụng nước ngoài ² chỉ được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức sau: (a) Đối với ngân hàng thương mại nước ngoài: văn phòng đại diện, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh với số vốn góp không vượt quá 50% vốn điều lệ, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính liên doanh và công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài. (b) Đối với công ty tài chính nước ngoài: văn phòng đại diện, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê

²“Tổ chức tín dụng” được định nghĩa tại Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010. Để làm rõ hơn, tổ chức tín dụng nước ngoài không bao gồm chi nhánh hay thể nhân mà không có tư cách pháp lý độc lập của nhà đầu tư.

tài chính 100% vốn nước ngoài.

(c) Đối với công ty cho thuê tài chính nước ngoài: văn phòng đại diện, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

A-2

Ngành:	Dịch vụ tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (ngoại trừ chứng khoán và bảo hiểm)
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử Quốc gia (Điều 11.3) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)
Biện pháp:	Luật số 47/2010/QH12 về Các tổ chức tín dụng 2010; Nghị định số 01/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam
Mô tả:	<p>Tổng mức góp vốn mua cổ phần của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại từng ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam không được vượt quá 30% vốn điều lệ của ngân hàng đó, trừ khi pháp luật Việt Nam có quy định khác hoặc được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p> <p>Mức góp vốn của nhà đầu tư chiến lược³ và các người liên quan tại một ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam không vượt quá 20% vốn điều lệ của ngân hàng đó.</p> <p>Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định đối với từng trường hợp cụ thể.</p>

³“Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài” là tổ chức nước ngoài có uy tín và năng lực tài chính để hỗ trợ các ngân hàng Việt Nam trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, nâng cao năng lực quản lý và áp dụng công nghệ hiện đại; và có lợi ích chiến lược phù hợp với chiến lược phát triển của các ngân hàng Việt Nam và đáp ứng các tiêu chí cụ thể do ngân hàng Việt Nam đặt ra.

Bản dịch không chính thức

A-3

Ngành:	Dịch vụ Tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (ngoại trừ chứng khoán và bảo hiểm)
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử quốc gia (Điều 11.3)
Biện pháp:	<p>Luật số 47/2010/QH12 về các Tổ chức tín dụng 2010;</p> <p>Nghị định số 39/2014/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;</p> <p>Thông tư 40/2011/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cấp phép, tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.</p>
Mô tả:	<p>Điều kiện để thành lập một chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam: ngân hàng mẹ phải có tổng tài sản có trên 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm xin phép.</p> <p>Điều kiện để thành lập một ngân hàng liên doanh hoặc ngân hàng 100% vốn nước ngoài: ngân hàng mẹ phải có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm xin phép.</p> <p>Điều kiện để thành lập công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài hoặc công ty cho thuê tài chính liên doanh: tổ chức tín dụng nước ngoài phải có tổng tài sản trên 10 tỷ đô la vào cuối năm trước thời điểm xin phép.</p> <p>Chỉ những cá nhân có quốc tịch Việt Nam mới được phép là cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại cổ phần.</p>

A-4

Ngành:	Dịch vụ Tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (ngoại trừ chứng khoán và bảo hiểm)
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử quốc gia(Điều11.3) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)
Biện pháp:	Luật số 47/2010/QH12 về các Tổ chức tín dụng 2010;
Mô tả:	Tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng chỉ được phép thành lập 1 văn phòng đại diện tại một tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương.

A-5

Ngành:	Dịch vụ Tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (ngoại trừ chứng khoán và bảo hiểm)
Nghĩa vụ liên quan:	Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Điều 11.9)
Biện pháp:	Luật số 47/2010/QH12 về các Tổ chức tín dụng 2010;
Mô tả:	Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh và Giám đốc công ty con và và những người giữ các vị trí tương đương phải cư trú ở Việt nam trong suốt quá trình công tác trong trường hợp họ đương nhiệm vị trí trong Ban Giám đốc tổ chức tín dụng.

A-6

Ngành:	Dịch vụ Tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (ngoại trừ chứng khoán và bảo hiểm)
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử quốc gia(Điều 11.3) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)
Biện pháp:	Luật số 47/2010/QH12 về Các Tổ chức tín dụng 2010 Nghị định số 141/2006/NĐ-CP về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng Nghị định số 10/2011/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng Thông tư 21/2013/TT-NHNN về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại
Mô tả:	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép: (i)góp vốn hoặc mua cổ phần; (ii) thực hiện các hoạt động kinh doanh mà ngân hàng nước ngoài không thực hiện tại nước nguyên xứ; (iii)mở các điểm giao dịch ngoài các điểm được nêu trong giấy phép dưới bất kì hình thức nào. Tỷ lệ an toàn của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam phải được tính dựa trên mức vốn tự có ở Việt Nam.

Bản dịch không chính thức

A-7

Ngành:	Dịch vụ tài chính
Phân ngành:	Bảo hiểm
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử quốc gia (Điều 11.3)
Nguồn biện pháp:	Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10
Mô tả:	Thẻ nhân nước ngoài không được phép cung cấp dịch vụ đại lý bảo hiểm tại Việt Nam.

A-8

Ngành:	Dịch vụ tài chính
Phân ngành:	Bảo hiểm
Nghĩa vụ liên quan:	Thương mại dịch vụ qua biên giới (Điều 11.6)
Nguồn biện pháp:	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 Nghị định 123/2011/NĐ-CP
Mô tả:	<p>Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài khi cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới không cam kết tại phụ lục CBT của VN chỉ có thể thực hiện qua doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới không cam kết tại phụ lục CBT của VN chỉ có thể môi giới cho doanh nghiệp bảo hiểm hoặc chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam</p>

A-9

Ngành:	Dịch vụ tài chính
Phân ngành:	Chứng khoán
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử quốc gia (Điều 11.3) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)
Nguồn biện pháp:	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12..
Mô tả:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) là tổ chức duy nhất được quyền hoạt động như một tổ chức lưu ký chứng khoán tập trung (CSD) với đặc thù cung cấp các dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và giao dịch chứng khoán..

PHỤ LỤC III

MỤC B

B-1

Ngành:	Dịch vụ tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và dịch vụ tài chính khác
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử Quốc gia (Điều 11.3) Đối xử Tối huệ quốc (Điều 11.4) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5) Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Điều 11.9)
Nguồn biện pháp:	Luật số 47/2010/QH12 về Các Tổ chức tín dụng 2010
Mô tả:	Việt nam bảo lưu quyền áp dụng và duy trì bất kì biện pháp nào liên quan đến quá trình cổ phần hóa của các ngân hàng thương mại nhà nước và tái cơ cấu tổ chức tín dụng tại Việt nam.

B-2

Ngành:	Dịch vụ Tài chính
Phân ngành:	Tất cả
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử Quốc gia (Điều 11.3) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5) Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Điều 11.9)
Mô tả:	Việt Nam có thể áp dụng các điều kiện ưu đãi hoặc quyền đặc biệt cho một hoặc một số các tổ chức tài chính hoạt động nhằm mục tiêu phát triển, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô, bao gồm nhưng không giới hạn cho Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng tái cho vay thế chấp.

B-3

Ngành: Dịch vụ Tài chính

Phân ngành: Tất cả

Nghĩa vụ liên quan: Đối xử Quốc gia (Điều 11.3)
Đối xử Tối huệ quốc (Điều 11.4)
Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)

Mô tả: Không nhằm làm giới hạn các nghĩa vụ của Việt Nam tại Điều 7 về Dịch vụ tài chính mới, Việt Nam có thể áp dụng chương trình thử nghiệm thí điểm đối với các dịch vụ tài chính mới và với việc áp dụng chương trình thử nghiệm nêu trên, Việt Nam cũng có thể áp dụng giới hạn một số lượng các nhà cung cấp dịch vụ tài chính được tham gia hoặc giới hạn phạm vi của chương trình thử nghiệm.

Bản dịch không chính thức

B-4

Ngành: Dịch vụ Tài chính

Phân ngành: Tất cả

Nghĩa vụ liên quan: Thương mại qua biên giới (Điều 11.6)

Mô tả: Đối với các dịch vụ tài chính không được cam kết tại Phụ lục CBT của Việt Nam, Việt Nam bảo lưu quyền ban hành hoặc duy trì các biện pháp liên quan đến việc các cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam mua các dịch vụ tài chính từ các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới.

B-5

Ngành:	Dịch vụ tài chính
Phân ngành:	Ngân hàng và dịch vụ tài chính khác
Nghĩa vụ liên quan:	Đối xử Quốc gia (Điều 11.3) Đối xử Tối huệ quốc (Điều 11.4) Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5) Thương mại qua biên giới (Điều 11.6) Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Điều 11.9)
Mô tả:	Việt Nam bảo lưu quyền ban hành và duy trì các biện pháp bao gồm nhưng không giới hạn ở các biện pháp hỗ trợ tài chính như các khoản cho vay có hỗ trợ từ Chính phủ, bảo lãnh và bảo hiểm liên quan đến các hoạt động nhằm mục tiêu xã hội: bảo hiểm và trợ cấp an sinh, trợ cấp xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển xã hội, nhà ở xã hội, xóa đói giảm nghèo, giáo dục phổ thông, sức khỏe và chăm sóc trẻ em, tạo phúc lợi xã hội và công ăn việc làm cho đồng bào thiểu số và người dân sinh sống tại các địa bàn khó khăn; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; và các khoản trợ cấp một lần để thúc đẩy và tạo thuận lợi cho quá trình cổ phần hóa.

B-6

Ngành: Dịch vụ tài chính

Phân ngành: Bảo hiểm

Nghĩa vụ liên quan: Đối xử quốc gia (Điều 11.3)

Nguồn biện pháp:

- Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2012/QH12
- Nghị định 45/2007/NĐ-CP
- Nghị định 123/2011/NĐ-CP
- Thông tư 124/2012/TT-BTC

Mô tả: Ngoài việc thoả mãn các điều kiện chung để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, các nhà cung cấp hoặc nhà đầu tư dịch vụ tài chính của một bên khi xin phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và doanh nghiệp tái bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện bổ sung về số năm kinh nghiệm, mức tổng tài sản, hoạt động kinh doanh có lãi và không vi phạm các quy định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

Bản dịch không chính thức

B-7

Ngành: Dịch vụ tài chính

Phân ngành: Bảo hiểm

Nghĩa vụ liên quan: Thương mại dịch vụ qua biên giới (Điều 11.6)

Nguồn biện pháp:

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2012/QH12
- Thông tư 124/2012/TT-BTC

Mô tả: Ngoài các điều kiện chung về cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm, các doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài phải đáp ứng thêm các điều kiện về hệ số tín nhiệm.

B-8

Ngành: Dịch vụ tài chính

Phân ngành: Bảo hiểm

Nghĩa vụ liên quan: Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)

Nguồn biện pháp: Nghị định 23/2011/NĐ-CP

Mô tả: Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không được thành lập chi nhánh tại Việt Nam ngoại trừ chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Để được cấp giấy phép thành lập của chi nhánh kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, trong đó bao gồm các điều kiện về:

- a) Năng lực hoạt động, năng lực tài chính và năng lực quản lý, giám sát chi nhánh tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
- (b) Khả năng hợp tác giữa cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đóng trụ sở chính và cơ quan quản lý giám sát bảo hiểm Việt Nam về việc quản lý, giám sát chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam.

B-9

Ngành: Dịch vụ tài chính

Phân ngành: Chứng khoán

Nghĩa vụ liên quan: Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)

Nguồn biện pháp: - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12;

- Nghị định số 58/2012/NĐ-Chính phủ ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. (bổ sung)

Mô tả: Hoạt động và các dịch vụ do chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài cung cấp tại Việt Nam phải được sự chấp thuận của Chính phủ Việt Nam, bao gồm cả việc áp dụng các điều kiện chấp thuận.

B-10

Ngành:	Dịch vụ tài chính
Phân ngành:	Chứng khoán
Nghĩa vụ liên quan:	Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)
Nguồn biện pháp:	<p>- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12.</p> <p>- Điều 1, Điều 2, Điều 3 - Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p><i>- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. (Bổ sung)</i></p>
Mô tả:	<p>Tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài từ trên 49% đến dưới 100% vào vốn điều lệ của các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ở Việt Nam phải được sự phê duyệt của Chính phủ Việt Nam, bao gồm cả việc áp dụng các điều kiện về phê duyệt.</p> <p>Bảo lưu này sẽ được chuyển sang Phụ lục A căn cứ theo Điều KK.10 sau 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam.</p>

B-11

Ngành: Dịch vụ tài chính

Phân ngành: Chứng khoán

Nghĩa vụ liên quan: Đối xử Quốc gia (Điều 11.3)
Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính (Điều 11.5)

Nguồn biện pháp:

Mô tả: Việt Nam bảo lưu quyền duy trì hoặc áp dụng mọi biện pháp liên quan đến việc thành lập, sở hữu và hoạt động của các thị trường chứng khoán có quản lý, cơ sở hạ tầng liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở Trung tâm lưu ký chứng khoán (bao gồm hệ thống đăng ký, lưu ký, thanh toán và bù trừ), trung tâm thanh toán bù trừ CCP, Trung tâm giao dịch chứng khoán/Sở giao dịch chứng khoán và chứng khoán phái sinh (bao gồm hệ thống giao dịch và hạ tầng giao dịch), các hệ thống giao dịch điện tử ECNs và việc chỉ định ngân hàng thanh toán.

Để làm rõ nghĩa hơn, bảo lưu này không áp dụng đối với các tổ chức tài chính đang tham gia hoặc có mong muốn tham gia vào bất kỳ thị trường /trung tâm giao dịch nêu trên, hoặc đang tiếp cận với hạ tầng có liên quan như vậy để cung cấp dịch vụ tài chính.

B-12

Ngành: Dịch vụ tài chính

Phân ngành: Chứng khoán

Nghĩa vụ liên quan: Đối xử Tối huệ quốc(Điều 11.4)

Nguồn biện pháp:

Mô tả: Việt Nam bảo lưu quyền đối xử khác biệt đối với các trung tâm lưu ký chứng khoán tập trung nước ngoài (CSD) muốn trở thành thành viên hoặc có sự tương tác với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), bao gồm cả việc chỉ định ngân hàng thanh toán, căn cứ theo thỏa thuận giữa CSD nước ngoài đó và VSD.